

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Hóa học; Chuyên ngành: Hóa học các hợp chất thiên nhiên

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Trần Hồng Quang**

2. Ngày tháng năm sinh: 08/6/1981; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Nam Phong, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xóm Đình, Triều Khúc, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng Hóa sinh phân tử, Viện Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:

Điện thoại di động: 0968318539; E-mail: quangth2004@yahoo.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm: 8/2004 đến tháng, năm: 4/2010: Nghiên cứu viên, Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Từ tháng, năm: 4/2010 đến tháng, năm: 9/2020: Nghiên cứu viên, Viện Hóa sinh biển, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ tháng, năm: 9/2020 đến tháng, năm: 3/2025: Nghiên cứu viên chính, Viện Hóa sinh
biển, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Từ tháng, năm: 3/2025 đến nay: Nghiên cứu viên chính, Viện Hóa học, Viện Hàn lâm
Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng phòng; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng.

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt
Nam.

Địa chỉ cơ quan: số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 02437564312

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện
Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

8. Đã nghỉ hưu: Đang công tác

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết
hạn nộp hồ sơ): Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ
Việt Nam.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 23 tháng 6 năm 2004; số văn bằng: QC 025249; ngành: Sinh
học, chuyên ngành: Hóa sinh học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa
học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

- Được cấp bằng ThS ngày 24 tháng 4 năm 2009; số văn bằng: QM 008413; ngành: Sinh
học; chuyên ngành: Sinh học thực nghiệm; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại
học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

- Được cấp bằng TS ngày 26 tháng 2 năm 2013; số văn bằng: 5177; ngành: Khoa học
Dược; chuyên ngành: Hóa dược; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Quốc Gia
Chung Nam, Hàn Quốc.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học và
Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Hóa học -
Công nghệ thực phẩm.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu cấu trúc hóa học và hoạt tính sinh học của các hợp chất tự nhiên, bao gồm
các nội dung:

+ Nghiên cứu phân lập, xác định cấu trúc phân tử của các hợp chất từ thực vật, sinh vật
biển, và vi nấm.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
+ Nghiên cứu hoạt tính sinh học của các hợp chất theo hướng kháng viêm, gây độc tế bào ung thư, kháng khuẩn, chống oxy hóa, ức chế hoạt động enzyme.

+ Nghiên cứu phân tích mối tương quan giữa cấu trúc hóa học và hoạt tính sinh học của các hoạt chất.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 09 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS.
- Đang hướng dẫn 01 NCS làm luận án TS.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 02 đề tài cấp cơ sở (Viện Hóa học các Hợp chất thiên nhiên và Viện Hóa sinh biển); 04 đề tài cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; 01 đề tài thuộc Quỹ Nafstodet.
- Đã công bố (số lượng) 158 bài báo khoa học, trong đó 141 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (tạp chí thuộc danh mục SCIE), 07 bài báo khoa học trên Vietnam Journal of Chemistry (tạp chí thuộc danh mục ESCI từ tháng 6/2020 và Scopus từ tháng 12/2020), và 10 bài báo khoa học trên các Tạp chí trong nước.
- Đã được cấp (số lượng) 01 bằng độc quyền sáng chế, 01 giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 0, trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam cho cá nhân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác năm 2017.
- Bằng khen của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam cho cá nhân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác năm 2023.

16. Kỷ luật (hành vi vi phạm từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: đạt tiêu chuẩn và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 8 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018 - 2019			1			67,5	67,5/137,5/135
2	2019 - 2020						67,5	67,5/67,5/135

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3	2020 - 2021			3			137,5	137,5/242,5/135
03 năm học cuối								
4	2022 - 2023	1		1			127,5	127,5/241,9/135
5	2023 - 2024	1		1			67,5	67,5/181,9/135
6	2024 - 2025	1		1			127,5	127,5/241,9/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; tại nước: Hàn Quốc và được cấp bằng TS vào tháng 02/2013.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thanh Hải		x	x		2016-2017	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	Bằng Thạc sĩ cấp ngày 15/8/2017

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	Đinh Xuân Chung		x	x		2018-2019	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	Bằng Thạc sĩ cấp ngày 12/8/2019
3	Phạm Thị Châm		x		x	2019-2020	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam	Bằng Thạc sĩ cấp ngày 26/3/2021
4	Nguyễn Thủy Tiên		x	x		2020-2021	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam	Bằng Thạc sĩ cấp ngày 10/2/2022
5	Đặng Việt Anh		x	x		2020-2021	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam	Bằng Thạc sĩ cấp ngày 10/10/2022
6	Lê Ngọc Anh		x	x		2020-2021	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam	Bằng Thạc sĩ cấp ngày 05/5/2022
7	Lê Thị Tâm		x		x	2021-2022	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam	Bằng Thạc sĩ cấp ngày 20/10/2022
8	Nguyễn Hữu Quân		x	x		2022-2023	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam	Bằng Thạc sĩ cấp ngày 08/8/2023
9	Nguyễn Hoàng Nam		x	x		2024-2025	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam	Đã bảo vệ luận văn Thạc sĩ ngày 12/5/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	ĐT: Nghiên cứu tìm kiếm các hợp chất kháng viêm, bảo vệ tế bào, và chống ung thư từ các loài thuộc chi Viền chí (<i>Polygala</i>) ở Việt Nam	CN	Mã số: 104.01-2016.31 Cấp quản lý: Quỹ Nafosted	2017-2020	- Quyết định công nhận kết quả: số 174/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 14/12/2020 - Xếp loại: Đạt
2	ĐT: Nghiên cứu phân lập các hợp chất kháng viêm và bảo vệ tế bào từ các chủng vi nấm từ sinh vật biển ở vùng biển Miền Trung Việt Nam	CN	Mã số: VAST.HTQT.HANQUOC.03/17-18 Cấp quản lý: Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam	2017-2018	- Quyết định nghiệm thu: số 335/QĐ-VHL ngày 08/3/2019 - Xếp loại: Xuất sắc
3	ĐT: Nghiên cứu phân lập các hợp chất thứ cấp có hoạt tính kháng viêm và kháng tiểu đường in vitro của một số chủng vi nấm từ một số loài hải miên ở vùng biển Quảng Nam	CN	Mã số: VAST04.05/19-20 Cấp quản lý: Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam	2019-2020	- Quyết định nghiệm thu: số 275/QĐ-VHL ngày 01/3/2021 - Xếp loại: Xuất sắc
4	ĐT: Nghiên cứu hoạt tính kháng viêm in vitro của các chủng vi nấm biển phân lập từ hải miên thu thập ở quần đảo Cù Lao Chàm – Việt Nam	CN	Mã số: QTKR01.03/20-21 Cấp quản lý: Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam	2020-2022	- Quyết định nghiệm thu: số 1280/QĐ-VHL ngày 02/8/2022 - Xếp loại: Xuất sắc
5	ĐT: Nghiên cứu phát hiện và sàng lọc một số chất có hoạt tính sinh học từ vi nấm và động vật da gai thu thập được từ chuyển khảo sát biển Việt Nam bằng tàu	CN	Mã số: QTRU02.05/23-24 Cấp quản lý: Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam	2023-2024	- Quyết định nghiệm thu: số 200/QĐ-VHL ngày 17/02/2025 - Xếp loại: Xuất sắc

Viện sĩ Oparin lần thứ 8				
-----------------------------	--	--	--	--

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS (trước 26/2/2013)							
1	A new monoterpene glycoside from the roots of <i>Paonia lactiflora</i> increases the differentiation of osteoblastic MCM-E1 cells.	9		Archives of Pharmacol Research/ 0253-6269	SCIE/Q3/1,085	84	30, 10, 1179-1185	2007
2	New monoterpene glycosides from <i>Paonia lactiflora</i> .	7		Fitoterapia/ 0367-326X	SCIE/Q2/1,2	68	79, 2, 117-120	2008
3	Chemical constituents from the leaves of <i>Manglietia phuthoensis</i> and their effects on osteoblastic MC3T3-E1 cells.	10		Chemical & Pharmaceutical Bulletin/ 0009-2363	SCIE/Q2/1,623	37	56, 9, 1270-1275	2008
4	Chemical constituents of <i>Acanthus ilicifolius</i> L. and effect on osteoblastic MC3T3E1 cells.	8		Archives of Pharmacol Research/ 0253-6269	SCIE/Q3/1,074	68	31, 7, 823-829	2008
5	New flavonoids from <i>Baeckea frutescens</i> and their antioxidant activity.	4	x	Natural Product Communications/ 1934-578X	SCIE/Q2/0,766	32	3, 5, 755-758	2008
6	Two new megastigmane sulphonoglucosides from <i>Mallotus anisopodus</i> .	9		Natural Product Communications/ 1934-578X	SCIE/Q2/0,745	16	4, 7, 889-892	2009
7	Một megastigman glycozit mới từ lá cây đề <i>Ficus religiosa</i> L. (Moraceae).	5		Tạp chí Hóa học (Vietnam Journal of Chemistry)/ 2525-2321		0	47, 1, 81-84	2009
8	Chemical Constituents of the Fruits of <i>Gleditschia australis</i> Hemsl.	6		Natural Product Communications/ 1934-578X	SCIE/Q2/0,745	2	4, 2, 213 - 216	2009
9	Chemical components from the Vietnamese soft coral <i>Lobophytum</i> sp.	11		Archives of Pharmacol Research/ 0253-6269	SCIE/Q2/1,588	34	33, 4, 503-508	2010
10	Cucurbitane-type triterpene glycosides from the fruits of <i>Momordica charantia</i> .	10		Magnetic Resonance in Chemistry/ 0749-1581	SCIE/Q2/1,247	43	48, 5, 392-396	2010

11	alpha-Glucosidase Inhibition Properties of Cucurbitane-Type Triterpene Glycosides from the Fruits of Momordica charantia.	14		Chemical & Pharmaceutical Bulletin/ 0009-2363	SCIE/Q2/1,507	105	58, 5, 720-724	2010
12	Cytotoxic and anti-inflammatory cembranoids from the Vietnamese soft coral Lobophytum laevigatum.	12	x	Bioorganic & Medicinal Chemistry/ 0968-0896	SCIE/Q1/2,921	60	19, 8, 2625-2632	2011
13	Anti-inflammatory Triterpenoid Saponins from the Stem Bark of Kalopanax pictus.	10	x	Journal of Natural Products/ 0163-3864	SCIE/Q1/3,128	40	74, 9, 1908-1915	2011
14	A new iridoid and effect on the rat aortic vascular smooth muscle cell proliferation of isolated compounds from Buddleja officinalis.	10		Bioorganic & Medicinal Chemistry Letters/ 0960-894X	SCIE/Q1/2,554	33	21, 11, 3462-3466	2011
15	Multiple Component Quantitative Analysis for the Pattern Recognition and Quality Evaluation of Kalopanax Cortex Using HPLC.	9		Archives of Pharmacal Research/ 0253-6269	SCIE/Q2/1,592	7	34, 12, 2065-2071	2011
16	Anti-inflammatory and PPAR Subtypes Transactivational Activities of Phenolics and Lignans from the Stem Bark of Kalopanax pictus.	10	x	Bulletin of the Korean Chemical Society/ 0253-2964	SCIE/Q3/0,906	11	32, 11, 4049-4054	2011
17	Inhibitory Effect of Ginsenosides from Steamed Ginseng-Leaves and Flowers on the LPS-stimulated IL-12 Production in Bone Marrow-derived Dendritic Cells.	8		Archives of Pharmacal Research/ 0253-6269	SCIE/Q2/1,592	32	34, 4, 681-685	2011
18	Oleanolic Triterpene Saponins from the Roots of Panax bipinnatifidus.	8		Chemical & Pharmaceutical Bulletin/ 0009-2363	SCIE/Q2/1,592	19	59, 11, 1417-1420	2011
19	Cytotoxic and PPARs transcriptional activities of sterols from the Vietnamese soft coral Lobophytum laevigatum.	14	x	Bioorganic & Medicinal Chemistry Letters/ 0960-894X	SCIE/Q1/2,554	33	21, 10, 2845-2849	2011
20	A new ursane-type triterpenoid glycoside from Centella asiatica leaves modulates the production of nitric oxide and secretion of TNF-alpha in activated RAW 264.7 cells.	10		Bioorganic & Medicinal Chemistry Letters/ 1464-3405	SCIE/Q1/2,554	90	21, 6, 1777-1781	2011
21	Oleanane-type triterpene saponins from the bark of Aralia elata and their NF-kappa B inhibition and PPAR activation signal pathway.	9		Bioorganic & Medicinal Chemistry Letters/ 0960-894X	SCIE/Q1/2,554	60	21, 20, 6143-6147	2011

22	Anti-inflammatory Activity on LPS-stimulated Dendritic Cells of Lupane-type Triterpenoids from the Leaves of Acanthopanax koreanum.	9		Archives of Pharmacal Research/ 0253-6269	SCIE/Q2/1,592	24	34, 10, 1593-1598	2011
23	Effect of triterpenes and triterpene saponins from the stem bark of Kalopanax pictus on the transactivational activities of three PPAR subtypes.	9	x	Carbohydrate Research/ 0008-6215	SCIE/Q2/2,332	33	346, 16, 2567-2575	2011
24	Identification by LC-ESIMS of Flavonoids Responsible for the Antioxidant Properties of Mallotus Species from Vietnam.	10		Natural Product Communications/ 1934-578X	SCIE/Q2/1,242	9	6, 6, 813 - 818	2011
25	Anti-inflammatory and PPAR transactivational effects of secondary metabolites from the roots of Asarum sieboldii.	8	x	Bioorganic & Medicinal Chemistry Letters/ 0960-894X	SCIE/Q1/2,338	66	22, 7, 2527-2533	2012
26	Diterpenoids from the Soft Coral Sinularia maxima and Their Inhibitory Effects on Lipopolysaccharide-Stimulated Production of Pro-inflammatory Cytokines in Bone Marrow-Derived Dendritic Cells.	13		Chemical & Pharmaceutical Bulletin/ 0009-2363	SCIE/Q2/1,564	29	60, 12, 1581-1589	2012
27	Inhibition of Nuclear Transcription Factor-kappa B and Activation of Peroxisome Proliferator-Activated Receptors in HepG2 Cells by Cucurbitane-Type Triterpene Glycosides from Momordica charantia.	10		Journal of Medicinal Food/ 1096-620X	SCIE/Q2/1,642	33	15, 4, 369-377	2012
28	Plantagiolides I and J, Two New Withanolide Glucosides from Tacca plantaginea with Nuclear Factor-kappaB Inhibitory and Peroxisome Proliferator-Activated Receptor Transactivational Activities.	12	x	Chemical & Pharmaceutical Bulletin/ 0009-2363	SCIE/Q2/1,564	23	60, 12, 1494-1501	2012
29	Cytotoxic Olean-type Triterpene Saponins from Glochidion eriocarpum.	12		Archives of Pharmacal Research/ 0253-6269	SCIE/Q2/1,538	30	35, 1, 19-26	2012
30	alpha-Glucosidase Inhibitors from the Roots of Sophora flavescens.	10	x	Bulletin of the Korean Chemical Society/ 0253-2964	SCIE/Q2/0,982	12	33, 5, 1791-1793	2012
31	Inhibition of TNF-alpha-mediated NF-kappa B Transcriptional Activity in HepG2 Cells by	6		Journal of Ginseng Research/ 1226-8453	SCIE/Q1/2,259	80	36, 2, 146-152	2012

	Dammarane-type Saponins from <i>Panax ginseng</i> Leaves.							
32	Cytotoxic triterpene saponins from the stem bark of <i>Kalopanax pictus</i> .	8	x	Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,179	16	5, 1, 177-182	2012
33	Anti-inflammatory and PPAR Transactivational Effects of Components from the Stem Bark of <i>Ginkgo biloba</i> .	6		Journal of Agricultural and Food Chemistry/ 0021-8561	SCIE/Q1/2,906	30	60, 11, 2815-2824	2012
34	Diarylheptanoid glycosides from <i>Tacca plantaginea</i> and their effects on NF-kappa B activation and PPAR transcriptional activity.	13	x	Bioorganic & Medicinal Chemistry Letters/ 0960-894X	SCIE/Q1/2,338	14	22, 21, 6681-6687	2012
35	A New Sterol from the Soft Coral <i>Lobophytum crassum</i> .	10		Bulletin of the Korean Chemical Society/ 0253-2964	SCIE/Q3/0,835	15	34, 1, 249-251	2013
36	Anti-inflammatory norditerpenoids from the soft coral <i>Sinularia maxima</i> .	12		Bioorganic & Medicinal Chemistry Letters/ 0960-894X	SCIE/Q1/2,331	53	23, 1, 228-231	2013
II	Sau khi được công nhận TS (từ 26/2/2013 đến nay)							
37	A New Deoxyisoaustamide Derivative from the Marine-derived Fungus <i>Penicillium</i> sp JF-72.	5	x	Bulletin of the Korean Chemical Society/ 0253-2964	SCIE/Q3/0,835	13	34, 10, 3109-3112	2013
38	Inhibitory effects of oleanane-type triterpenes and saponins from the stem bark of <i>Kalopanax pictus</i> on LPS-stimulated pro-inflammatory cytokine production in bone marrow-derived dendritic cells.	13	x	Archives of Pharmacol Research/ 0253-6269	SCIE/Q2/1,751	10	36, 3, 327-334	2013
39	Penicillinolide A: A New Anti-Inflammatory Metabolite from the Marine Fungus <i>Penicillium</i> sp SF-5292.	9		Marine Drugs/ 1660-3397	SCIE/Q2/3,512	38	11, 11, 4510-4526	2013
40	Anti-Inflammatory and PPAR Transactivational Properties of Flavonoids from the Roots of <i>Sophora flavescens</i> .	10	x	Phytotherapy Research/ 0951-418X	SCIE/Q2/2,397	39	27, 9, 1300-1307	2013
41	Anti-Inflammatory Components of the Starfish <i>Astropecten polyacanthus</i> .	11		Marine Drugs/ 1660-3397	SCIE/Q2/3,512	39	11, 8, 2917-2926	2013
42	Tanzawaic acid derivatives from a marine isolate of <i>Penicillium</i> sp (SF-6013) with anti-inflammatory and PTP1B inhibitory activities.	9	x	Bioorganic & Medicinal Chemistry Letters/ 0960-894X	SCIE/Q1/2,420	50	24, 24, 5787-5791	2014
43	A New Germacrane-Type Sesquiterpene from Fermented <i>Curcuma longa</i> L.	6	x	Bulletin of the Korean Chemical Society/ 0253-2964	SCIE/Q2/0,797	5	35, 7, 2201-2204	2014

44	Anti-inflammatory and PPAR Transactivational Effects of Components from Ginkgo biloba Seeds.	4		Bulletin of the Korean Chemical Society/ 1229-5949	SCIE/Q3/0,797	9	35, 9, 2843-2846	2014
45	Steroids from the Cold Water Starfish Ctenodiscus crispatus with Cytotoxic and Apoptotic Effects on Human Hepatocellular Carcinoma and Glioblastoma Cells.	7	x	Bulletin of the Korean Chemical Society/ 0253-2964	SCIE/Q3/0,797	18	35, 8, 2335-2341	2014
46	Protein Tyrosine Phosphatase 1B Inhibitory Activity of Lavandulyl Flavonoids from Roots of Sophora flavescens.	6		Planta Medica/ 0032-0943	SCIE/Q1/2,152	46	80, 7, 557-560	2014
47	Dihydroisocoumarin Derivatives from Marine-Derived Fungal Isolates and Their Anti-inflammatory Effects in Lipopolysaccharide-Induced BV2 Microglia.	10	x	Journal of Natural Products/ 0163-3864	SCIE/Q1/3,662	42	78, 12, 2948-2955	2015
48	Chemical constituents of the Annona glabra fruit and their cytotoxic activity.	13		Pharmaceutical Biology/ 1388-0209	SCIE/Q2/1,546	40	53, 11, 1602-1607	2015
49	Protein Tyrosine Phosphatase 1B Inhibitors from the Roots of Cudrania tricuspidata.	8	x	Molecules/ 1420-3049	SCIE/Q2/2,465	52	20, 6, 11173-11183	2015
50	2,4,5-Trimethoxydalbergiquinol promotes osteoblastic differentiation and mineralization via the BMP and Wnt/beta-catenin pathway.	7		Cell Death & Disease/ 2041-4889	SCIE/Q1/5,378	90	6, e1819	2015
51	New ent-kauranes from the fruits of Annona glabra and their inhibitory nitric oxide production in LPS-stimulated RAW264.7 macrophages.	13		Bioorganic & Medicinal Chemistry Letters/ 0960-894X	SCIE/Q1/2,486	29	25, 2, 254-258	2015
52	Anti-neuroinflammatory activities of indole alkaloids from kanjang (Korean fermented soy source) in lipopolysaccharide-induced BV2 microglial cells.	8	x	Food Chemistry/ 0308-8146	SCIE/Q1/4,529	56	213, 69-75	2016
53	A Prenylated Xanthone, Cudraticusxanthone A, Isolated from Cudrania tricuspidata Inhibits Lipopolysaccharide-Induced Neuroinflammation through Inhibition of NF-kappaB and p38 MAPK Pathways in BV2 Microglia.	8		Molecules/ 1420-3049	SCIE/Q1/2,861	25	21, 9, 1240	2016

54	Tirucallane Glycoside from the Leaves of Antidesma bunius and Inhibitory NO Production in BV2 Cells and RAW264.7 Macrophages.	11		Natural Product Communications/ 1934-578X	SCIE/Q2/0,773	17	11, 7, 935 - 937	2016
55	New Lignans from Antidesma hainanensis Inhibit NO Production in BV2 Microglial Cells.	9		Chemical & Pharmaceutical Bulletin/ 0009-2363	SCIE/Q2/1,133	17	64, 12, 1707-1712	2016
56	Spirostanol saponins from Tacca vietnamensis and their anti-inflammatory activity.	12		Bioorganic & Medicinal Chemistry Letters/ 0960-894X	SCIE/Q1/2,454	12	26, 15, 3780-3784	2016
57	Prenylated Flavonoids from Cudrania tricuspidata Suppress Lipopolysaccharide-Induced Neuroinflammatory Activities in BV2 Microglial Cells.	7		International Journal of Molecular Sciences/ 1422-0067	SCIE/Q1/3,226	32	17, 2, 255	2016
58	Anti-inflammatory effects of secondary metabolites isolated from the marine-derived fungal strain Penicillium sp SF-5629.	9		Archives of Pharmacal Research/ 0253-6269	SCIE/Q2/2,33	50	40, 3, 328-337	2017
59	Chemical constituents of Datura metel L.	3	x	Vietnam Journal of Chemistry/ 2572-8288		3	55, 2, 188-195	2017
60	4-parvifuran inhibits metastatic and invasive actions through the JAK2/STAT3 pathway in osteosarcoma cells.	7		Archives of Pharmacal Research/ 0253-6269	SCIE/Q2/2,33	19	40, 5, 601-60	2017
61	Steroidal saponins from Datura metel.	11		Steroids/ 0039-128X	SCIE/Q2/2,523	22	121, 1-9	2017
62	Oleanane-type Saponins from Glochidion hirsutum and Their Cytotoxic Activities.	11		Chemistry & Biodiversity/ 1612-1872	SCIE/Q2/1,617	8	14, 5, e1600445	2017
63	Flavonol and lignan glycosides from Datura metel L.	4		Vietnam Journal of Science and Technology/ 2525-2518		4	55, 3, 263-270	2017
64	Chemical Components from Phaeanthus vietnamensis and Their Inhibitory NO Production in BV2 Cells.	12		Chemistry & Biodiversity/ 1612-1872	SCIE/Q2/1,617	20	14, 8, e1700013	2017
65	Sesquiterpene derivatives from marine sponge Smenospongia cerebriformis and their anti-inflammatory activity.	14		Bioorganic & Medicinal Chemistry Letters/ 1464-3405	SCIE/Q1/2,442	38	27, 7, 1525-1529	2017
66	Bioactive Secondary Metabolites from the Aerial Parts of Buddleja macrostachya.	11		Natural Product Communications/ 1934-578X	SCIE/Q2/0,809	7	12, 12, 1821 - 1824	2017

67	Napthoquinones and Sesquiterpene Cyclopentenones from the Sponge <i>Smenospongia cerebriformis</i> with Their Cytotoxic Activity.	9		Chemical & Pharmaceutical Bulletin/ 0009-2363	SCIE/Q2/1,258	15	65, 6, 589-592	2017
68	Two new guaiane sesquiterpenes from <i>Datura metel</i> L. with anti-inflammatory activity.	12		Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q1/1,575	16	19, 231-236	2017
69	Macrolide and phenolic metabolites from the marine-derived fungus <i>Paraconiothyrium</i> sp. VK-13 with anti-inflammatory activity.	10	x	Journal of Antibiotics/ 1881-1469	SCIE/Q2/2,446	33	71, 9, 826-830	2018
70	Iridoid Glycosides and Phenolic Glycosides from <i>Buddleja asiatica</i> with Anti-inflammatory and Cytoprotective Activities.	11		Natural Product Communications/ 1934-578X	SCIE/Q2/0,554	6	13, 1, 1 - 4	2018
71	Rhabdaprovidines D-G, Four New 6, 6, 5-Tricyclic Terpenoids from the Vietnamese Sponge <i>Rhabdastrella providentiae</i> .	10		Natural Product Communications/ 1934-578X	SCIE/Q2/0,554	19	13, 10, 1251 - 1254	2018
72	Triterpenoid saponins and phenylpropanoid glycosides from the roots of <i>Polygala japonica</i> Houtt. with anti-inflammatory activity.	12	x	Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,338	11	24, 60-66	2018
73	Phytochemical constituents and cytotoxic activity of <i>Physalis angulata</i> L. growing in Vietnam.	7		Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,338	25	27, 193-196	2018
74	Furanoaustinol and 7-acetoxydehydroaustinol: new meroterpenoids from a marine-derived fungal strain <i>Penicillium</i> sp SF-5497.	6		Journal of Antibiotics/ 0021-8820	SCIE/Q2/2,446	27	71, 6, 557-563	2018
75	Secondary metabolites from the marine-derived fungus <i>Paraconiothyrium</i> sp. VK-13.	9	x	Vietnam Journal of Chemistry/ 2572-8288		4	56, 4, 434-439	2018
76	Anti-neuroinflammatory effects of cudraflavanone A isolated from the chloroform fraction of <i>Cudrania tricuspidata</i> root bark.	7		Pharmaceutical Biology/ 1388-0209	SCIE/Q2/2,492	20	56, 1, 192-200	2018
77	New acetylated terpenoids from sponge <i>Rhabdastrella providentiae</i> inhibit NO production in LPS stimulated BV2 cells.	10		Natural Product Communications/ 1934-578X	SCIE/Q2/0,554	21	13, 6, 661 - 664	2018
78	Chemical Constituents of <i>Vitex trifolia</i> Leaves.	11		Natural Product Communications/ 1934-578X	SCIE/Q2/0,554	12	13, 2, 129 - 130	2018

79	New isomalabaricane analogues from the sponge <i>Rhabdastrella providentiae</i> and their cytotoxic activities.	7		Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,338	22	26, 199-204	2018
80	Một số hợp chất triterpenoid saponin và xanthone glucoside từ cây viển chí nhật (<i>Polygala japonica</i> Houtt.).	7	x	Tạp chí Hóa học (Vietnam Journal of Chemistry)/ 2572-8288		0	56, 1, 86-93	2018
81	Oleanane-type triterpenoid saponins from the roots of <i>Polygala aureocauda</i> Dunn.	9	x	Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,459	10	34, 59-64	2019
82	Three New Constituents From the Parasitic Plant <i>Balanophora laxiflora</i> .	11		Natural Product Communications/ 1934-578X	SCIE/Q3/0,468	4	14, 5, 1-6	2019
83	Macrocyclic bis-quinolizidine alkaloids from <i>Xestospongia muta</i> .	11		Natural Product Research/ 1478-6427	SCIE/Q2/2,158	28	33, 3, 400-406	2019
84	New preaustinoids from a marine-derived fungal strain <i>Penicillium</i> sp. SF-5497 and their inhibitory effects against PTP1B activity.	5		Journal of Antibiotics/ 1881-1469	SCIE/Q2/2,668	21	72, 8, 629-633	2019
85	Chemical constituents from the soft coral <i>Sinularia digitata</i> .	7		Vietnam Journal of Chemistry/ 2572-8288		2	57, 5, 636-640	2019
86	Ursane-and olean-type triterpene glycosides from <i>Ilex godajam</i> .	8		Vietnam Journal of Chemistry/ 2572-8288		1	57, 5, 562-567	2019
87	Anti-inflammatory phenylpropanoid glycosides from the roots of <i>Polygala aureocauda</i> Dunn.	7	x	Vietnam Journal of Chemistry/ 2572-8288		6	57, 5, 525-530	2019
88	Scutebarbatolides A-C, new neo-clerodane diterpenoids from <i>Scutellaria barbata</i> D. Don with cytotoxic activity.	9		Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,459	11	29, 65-69	2019
89	Anti-inflammatory effect of 3,7-dimethyl-1,8-hydroxy-6-methoxyisochroman via nuclear factor erythroid 2-like 2-mediated heme oxygenase-1 expression in lipopolysaccharide-stimulated RAW264.7 and BV2 cells.	8		Immunopharmacology and Immunotoxicology/ 1532-2513	SCIE/Q2/2,352	6	41, 2, 337-348	2019
90	Secondary metabolites from a marine sponge-associated fungus <i>Xenomyrothecium</i> sp. IMBC-FP2.11.	7	x	Vietnam Journal of Chemistry/ 2572-8288	ESCI	9	58, 6, 752-758	2020
91	Three new muurolane-type sesquiterpene glycosides from the whole plants of <i>Balanophora fungosa</i> subsp. <i>indica</i> .	10		Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/2,861	19	34, 20, 2964-2970	2020

92	Andropaniosides A and B, two new ent-labdane diterpenoid glucosides from <i>Andrographis paniculata</i> .	8		Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,679	2	35, 37-40	2020
93	Oroxindols A and B, two novel secoabietane diterpenoids from <i>Oroxylum indicum</i> .	9		Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,679	1	40, 101-104	2020
94	Codojavanosides A-C, three new sesquiterpenoid glycosides from the roots of <i>Codonopsis javanica</i> .	10		Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,679	8	40, 166-170	2020
95	Limonoids From <i>Choerospondias axillaris</i> .	10		Natural Product Communications/ 1934-578X	SCIE/Q3/0,986	8	15, 8, 1-5	2020
96	Cytotoxic phenanthrenes and phenolic constituents from the tubers of <i>Dioscorea persimilis</i> .	9		Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,679	25	40, 139-143	2020
97	Iridoid glucosides and phenylethanoid glycosides from <i>Plantago major</i> .	9		Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,679	3	39, 111-115	2020
98	Protein tyrosine phosphatase 1B inhibitory triterpene glycosides from <i>Mussaenda pilosissima</i> Valetton.	8		Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,679	3	36, 139-143	2020
99	Diterpenoids and Flavonoids from <i>Andrographis paniculata</i> .	8		Chemical & Pharmaceutical Bulletin/ 0009-2363	SCIE/Q2/1,645	29	68, 1, 96-99	2020
100	Bioactive secondary metabolites from a soybean-derived fungus <i>Aspergillus versicolor</i> IMBC-NMTP02.	10	x	Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,873	1	45, 93-99	2021
101	Pregnane glycosides from <i>Gymnema inodorum</i> and their alpha-glucosidase inhibitory activity.	12		Natural Product Research/ 1478-6427	SCIE/Q2/2,488	18	35, 13, 2157-2163	2021
102	Anti-inflammatory norclerodane diterpenoids and tetrahydrophenanthrene from the leaves and stems of <i>Dioscorea bulbifera</i> .	9		Fitoterapia/ 0367-326X	SCIE/Q2/3,204	15	153, 104965	2021
103	Cytotoxic constituents from <i>Isotrema tadungense</i> .	11		Journal of Asian Natural Products Research/ 1028-6020	SCIE/Q2/1,610	11	23, 5, 491-497	2021
104	Secondary metabolites from the tubers of <i>Dioscorea persimilis</i> .	6	x	Vietnam Journal of Chemistry/ 2572-8288	Scopus/Q4	4	59, 5, 684-688	2021
105	Sulphated flavones and pregnane-type steroids from <i>Helicteres viscida</i> .	11		Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/2,488	2	35, 20, 3390-3395	2021
106	Cytotoxic and immunomodulatory phenol derivatives from a marine sponge-derived fungus <i>Ascomycota</i> sp. VK12.	8	x	Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/2,488	11	35, 23, 5153-5159	2021

107	Chemical Constituents from the Branches and Leaves of <i>Alchornea trewioides</i> .	7		Chemical & Pharmaceutical Bulletin/ 0009-2363	SCIE/Q2/1,903	2	69, 1, 150-154	2021
108	Bicyclic lactones from the octocoral <i>Dendronephthya mucronata</i> .	10		Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/2,488	4	35, 7, 1134-1138	2021
109	Polyhydroxylated steroids from the Vietnamese soft coral <i>Sarcophyton ehrenbergi</i> .	9		Steroids/ 0039-128X	SCIE/Q2/2,760	11	176, 108932	2021
110	Phenolic Metabolites from the Leaves and Stems of <i>Dioscorea bulbifera</i> with Anti-Inflammatory Activity.	7	x	Journal of Medicinal Materials/ 1859-4735		0	26, 3, 143-148	2021
111	Chemical constituents of <i>Blumea balsamifera</i> .	7		Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,873	16	43, 35-39	2021
112	Cytotoxic and antimicrobial benzodiazepine and phenolic metabolites from <i>Aspergillus ostianus</i> IMBC-NMTP03.	7	x	Vietnam Journal of Chemistry/ 2572-8288	Scopus/Q4	3	59, 5, 660-666	2021
113	Cytotoxic phenolic glycosides from the seeds of <i>Senna tora</i> .	6		Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,873	3	45, 190-194	2021
114	Anti-inflammatory metabolites from a marine sponge-associated fungus <i>Aspergillus</i> sp. IMBC-FP2.05.	8	x	Vietnam Journal of Chemistry/ 2572-8288	Scopus/Q4	4	59, 1, 52-56	2021
115	Naphthopyrone and anthraquinone derivatives from <i>Comanthus delicata</i> .	8		Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,873	2	46, 129-135	2021
116	Sesquiterpenoids from <i>Saussurea costus</i> .	10		Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/2,488	16	35, 9, 1399-1405	2021
117	New merosesquiterpenes from the Vietnamese sponge <i>Hippospongia fistulosa</i> and their cytotoxic activity.	8		Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,873	4	44, 115-119	2021
118	Iridoids and cycloartane saponins from <i>mussaenda pilosissima</i> valetton and their inhibitory NO production in BV2 cells.	8		Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/2,488	5	35, 21, 4126-4132	2021
119	Cudraflavanone B Isolated from the Root Bark of <i>Cudrania tricuspidata</i> Alleviates Lipopolysaccharide-Induced Inflammatory Responses by Downregulating NF- κ B and ERK MAPK Signaling Pathways in RAW264.7 Macrophages and BV2 Microglia.	11		Inflammation/ 1573-2576	SCIE/Q2/4,657	16	44, 1, 104-115	2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

120	Secondary metabolites from a peanut-associated fungus <i>Aspergillus niger</i> IMBC-NMTP01 with cytotoxic, anti-inflammatory, and antimicrobial activities.	9	x	Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/2,2	14	36, 5, 1215-1223	2022
121	Sauorbacciosides A-C: three new glycosides from <i>Sauropus bacciformis</i> with their cytotoxic activity.	8		Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/2,2	4	36, 6, 1476-1484	2022
122	Polyhydroxylated steroid derivatives from the starfish <i>Pentacaster regulus</i> .	9		Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/2,2	3	36, 9, 2223-2229	2022
123	Polyacetylene and phenolic constituents from the roots of <i>Codonopsis javanica</i> .	10		Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/2,2	14	36, 9, 2314-2320	2022
124	Sulfated Naphthopyrones and Anthraquinones from the Vietnamese Crinoid <i>Comanthus delicata</i> .	9		Chemical & Pharmaceutical Bulletin/ 0009-2363	SCIE/Q2/1,7	2	70, 5, 408-412	2022
125	Phenolic glycosides from <i>Oroxylum indicum</i> .	9		Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/2,2	2	36, 9, 2336-2340	2022
126	Anti-neuroinflammatory effect of oxaline, isorhodoptilometrin, and 5-hydroxy-7-(2'-hydroxypropyl)-2-methylchromone obtained from the marine fungal strain <i>Penicillium oxalicum</i> CLC-MF05.	9		Archives of Pharmacal Research/ 0253-6269	SCIE/Q1/6,7	13	45, 2, 90-104	2022
127	Chemical constituents from the branches and leaves of <i>Alchornea annamica</i> .	8		Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/2,2	6	36, 9, 2349-2355	2022
128	Phenolic glycosides from the peels of durian fruits <i>Durio zibethinus</i> L.	5	x	Vietnam Journal of Chemistry/ 2572-8288	Scopus/Q3	2	60, 6, 766-769	2022
129	Isolation and Cytotoxic Potency of Endophytic Fungi Associated with <i>Dyosma diffomis</i> , a Study for the Novel Resources of Podophyllotoxin.	10		Mycobiology/ 1229-8093	SCIE/Q2/1,9	6	50, 5, 389-398	2022
130	Antimicrobial phenolic metabolites from the aerial parts of <i>Orthosiphon aristatus</i> .	5		Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,7	7	52, 49-53	2022
131	Triterpene Tetraglycosides From <i>Stichopus Hermannii</i> Semper, 1868.	9		Natural Product Communications/ 1934-578X	SCIE/Q3/1,8	5	17, 5, 1-5	2022
132	Cembranoids from the Vietnamese soft coral <i>Sarcophyton ehrenbergi</i> .	10		Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/2,2	3	36, 21, 5517-5523	2022
133	Phenolic Glycosides from the Leaves of <i>Iodes cirrhosa</i> Turcz. with	8		Chemistry & Biodiversity/ 1612-1872	SCIE/Q2/2,9	5	19, 9, e202200182	2022

	Cytotoxic and Antimicrobial Effects.							
134	Chemical constituents from <i>Lycopodiella cernua</i> and their anti-inflammatory and cytotoxic activities.	12		Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/2,2	6	36, 16, 4045-4051	2022
135	Cytotoxic terpenoids from the stem bark of <i>Taxus wallichiana</i> .	7		Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,7	1	52, 113-117	2022
136	Herrmananes A and B, two new sulfated hydrocarbons from the sea cucumber <i>Stichopus herrmanni</i> .	6		Vietnam Journal of Chemistry/ 2572-8288	Scopus/Q3	3	60, 5, 685-687	2022
137	Cytotoxic monoterpene indole alkaloids from the leaves and twigs of <i>Tabernaemontana bovinia</i> .	9		Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q2/1,7	3	51, 18-22	2022
138	Dammarane-type triterpenoid saponins from the flower buds of <i>Panax pseudoginseng</i> with cytotoxic activity.	9		Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/2,2	8	36, 17, 4343-4351	2022
139	Cytotoxic and nitric oxide inhibitory activities of triterpenoids from <i>Lycopodium clavatum</i> L.	13		Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/2,2	6	36, 24, 6232-6239	2022
140	Secondary metabolites from the fruit peels of <i>Durio zibethinus</i> L. and their cytotoxic activity.	6	x	Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/1,9	1	37, 21, 3556-3562	2023
141	Acylated flavonoid glycosides from <i>Barringtonia pendula</i> and their inhibition on lipopolysaccharide-induced nitric oxide production in RAW264.7 cells.	8		Fitoterapia/ 0367-326X	SCIE/Q2/2,5	0	171, 105699	2023
142	Asterosaponins from the starfish <i>Protoreaster nodosus</i> .	8		Journal of Asian Natural Products Research/ 1028-6020	SCIE/Q2/1,3	1	25, 12, 1229-1235	2023
143	Antimicrobial secondary metabolites from the aerial parts of <i>Perilla frutescens</i> .	8		Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/1,9	4	37, 17, 2862-2870	2023
144	Two new eudesmane sesquiterpene glucosides from the aerial parts of <i>Artemisia vulgaris</i>	4		Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/1,9	6	37, 9, 1544-1549	2023
145	Cytotoxic and Antimicrobial Secondary Metabolites from <i>Penicillium hetheringtonii</i> IMBC-NMTP04.	11	x	VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology/ 2588-1140		0	39, 3, 25-32	2023
146	<i>Fusarium solani</i> PQF9 Isolated from <i>Podocarpus pilgeri</i> Growing in Vietnam as a New Producer of Paclitaxel.	11		Indian Journal of Microbiology/ 0973-7715	SCIE/Q3/2,1	2	63, 4, 596-603	2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

147	Isoryanodane diterpene derivatives from <i>Barringtonia macrocarpa</i> .	10		Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/1,6	0	38, 18, 3140-314	2024
148	Cytotoxic and antimicrobial metabolites from the marine-derived fungus <i>Aspergillus</i> sp. OPR23-FS01.	9	x	Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q3/1,4	1	61, 29-34	2024
149	Terpenes and polyketides from the marine-derived fungus <i>Penicillium</i> sp. OPR23-FS02 with cytotoxic and antimicrobial effects.	8	x	Vietnam Journal of Chemistry/ 2572-8288	Scopus/Q3	6	62, 5, 638-646	2024
150	Glycoside constituents from <i>Cayratia geniculata</i> .	6		Journal of Asian Natural Products Research/ 1028-6020	SCIE/Q2/1,3	0	26, 9, 1130-1137	2024
151	Phenolic glycosides from <i>Yua thomsonii</i> .	6		Phytochemistry Letters/ 1874-3900	SCIE/Q3/1,4	0	59, 1-4	2024
152	<i>Fusarium foetens</i> AQF6 Isolated from <i>Amentotaxus yunnanensis</i> H.L.Li as a Prolific Source of Antioxidant Compounds.	11		Applied Sciences/ 2076-3417	SCIE/Q2/2,5	2	14, 5, 2048	2024
153	Ent-kaurane glycosides from <i>Stevia rebaudiana</i> and their α -glucosidase inhibition.	8		Tetrahedron/ 0040-4020	SCIE/Q3/2,2	0	158, 133993	2024
154	Iridoids from the aerial parts of <i>Adenosma caeruleum</i> with their nitric oxide inhibitory effects.	10		Journal of Molecular Structure/ 0022-2860	SCIE/Q2/4,7	0	1299, 137149	2024
155	Fumigaclavines K-M, undescribed ergot alkaloids from the mangrove-derived fungus <i>Aspergillus</i> sp. DVXT-221 with cytotoxic and NO inhibitory activities.	9	x	Tetrahedron/ 0040-4020	SCIE/Q3/2,2	1	171, 134414	2025
156	Culciniside E, a new sulfated steroidal biglycoside from the starfish <i>Culcita novaeguineae</i> .	6		Journal of Asian Natural Products Research/ 1028-6020	SCIE/Q2/1,3	1	27, 5, 797-803	2025
157	Diterpenoid and phenolic constituents from corn silk (<i>Zea mays</i>) with PTP1B inhibitory activity.	7		Natural Product Research/ 1478-6419	SCIE/Q2/1,6	1	39, 2, 323-330	2025
158	An Oxazole Alkaloid, Terpenoids, and Cyclodipeptides With Cytotoxic and Nitric Oxide Inhibitory Effects From a Mangrove-Derived Fungus <i>Trichoderma</i> sp. GXT-22.1.	8	x	Chemistry & Biodiversity/ 1612-1872	SCIE/Q3/2,5	0	22, 5, e202402986	2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 25 bài báo, bao gồm 19 bài báo thuộc danh mục SCIE (TT: 37, 38, 40, 42, 43, 45, 47, 49, 52, 69, 72, 81, 100, 106, 120, 140, 148, 155, 158), 6 bài báo thuộc danh mục ESCI/Scopus (TT: 90, 104, 112, 114, 128, 149)].

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
I	Bằng độc quyền sáng chế				
1	Hợp chất (1S,2S,3E,7S,8S,11E,15S)-1,15,7,8-diepoxy-3,11-cembradien-16,2-olít (Laevigatol A) và phương pháp chiết hợp chất này từ loài san hô mềm <i>Lobophytum laevigatum</i> .	Cục sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ Bằng độc quyền sáng chế số 14545	Quyết định số: 56158/QĐ-SHTT, ngày 14/09/2015	Đồng tác giả	10
II	Giải pháp hữu ích				
1	Hợp chất scutebarbatolide A có hoạt tính kháng tế bào ung thư thử nghiệm và phương pháp chiết hợp chất này từ cây bán chi liên <i>Scutellaria barbata</i> .	Cục sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ Giải pháp hữu ích số 2890	Quyết định số: 4640w/QĐ-SHTT, ngày 22/03/2022	Đồng tác giả	9

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau TS: 0.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): năm học 2019-2020/ thiếu 67,5 giờ.

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chủ ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Hồng Quang